

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viên chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng, quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 424/TTr-SNV ngày 26 tháng 02 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng, quản lý nhà

nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 1098/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (*Phụ lục I, II kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ - Cục Kiểm soát TTHC;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (Phòng HCQT);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**

**Trương Hải Long**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ</b>						
01	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã	1.012268	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do UBND cấp huyện gửi đến, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, chủ trì tổ chức thẩm định, chủ trì tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định.</li> <li>- Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Nội vụ hoặc qua đường bưu điện; gửi hồ sơ theo Văn bản điện tử về Sở Nội vụ.  Địa chỉ: Số 03 đường Hai Bà Trưng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> UBND cấp huyện, cấp xã và Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện.</li> <li>- <b>Cơ quan thực hiện TTHC:</b> Sở Nội vụ.</li> <li>- <b>Cơ quan phối hợp:</b> Văn phòng UBND tỉnh.</li> <li>- <b>Thẩm quyền quyết định:</b> Chủ tịch UBND tỉnh.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQ H13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.</li> <li>- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</li> </ul>

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VIÊN CHỨC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA GIÁM ĐỐC CÁC SỞ, THỦ TRƯỞNG CÁC BAN, NGÀNH, CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1098/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ</b>					
01	Thi tuyển viên chức 1.005388	Trong vòng 160 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000đ/thí sinh/lần dự thi;</li> <li>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000đ/thí sinh/lần dự thi;</li> <li>- Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000đ/thí sinh/lần dự thi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> </ul>
02	Xét tuyển viên chức 1.005392	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</li> <li>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000đ/thí sinh/lần dự thi;</li> <li>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000đ/thí sinh/lần dự thi;</li> <li>- Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000đ/thí sinh/lần dự thi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày</li> </ul>

		<p>Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</li> <li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.</li> <li>- Thí sinh được thông báo kết quả vòng 1 ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1.</li> <li>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội</li> </ul>			<p>25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</li> </ul>
--	--	---	--	--	---

		<p>đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</li></ul>			
--	--	--	--	--	--

3	<p>Tiếp nhận vào viên chức 1.005393</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</li> <li>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</li> <li>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</li> <li>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng</li> </ul>	<p>Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan tuyển dụng.</p>	<p>Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công</li> </ul>
---	---	---	---	-----------------------	--

	<p>tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự sát hạch, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức sát hạch.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</li><li>- Người đứng đầu, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có văn bản đề nghị người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý</li></ul>			chức, viên chức.
--	---	--	--	------------------



		viên chức công nhận kết quả tiếp nhận vào viên chức. Văn bản đề nghị do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ký, trong đó nêu rõ vị trí việc làm cần tuyển dụng và kèm theo biên bản họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch và hồ sơ của từng trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách.			
4	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 1.005394	<p>Trước ngày thi hoặc xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi hoặc xét, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có) và địa điểm tổ chức thi hoặc xét cho các thí sinh có đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>- Trước ngày thi 01 ngày, Hội đồng thi niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi hoặc xét, sơ đồ vị trí các phòng thi hoặc xét, nội quy, hình</p>	Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.	<p>* Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần;</li> <li>- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần;</li> <li>- Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần.</li> </ul> <p>* Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 100 thí sinh:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của</li> </ul>

		thức, thời gian thi hoặc xét thăng hạng.		<p>700.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần;</p> <p>- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần.</p> <p>* Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.</p>	<p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</p> <p>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</p>
--	--	---	--	--	--